

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/DS-ST
Ngày: 16-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Ông Tô Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3; địa chỉ: A đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh T2. Theo Quyết định số 804/UQ-VCB-PC ngày 20/10/2021.

Ông Đào Xuân K ủy quyền lại cho:

1. Ông Chu Sỹ N - chức vụ: Phó phòng khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh T2. Theo Giấy ủy quyền số 53/UQ-TBD-HCNS ngày 01/02/2024. Có mặt.

2. Bà Hoàng Diệu T1 - chức vụ: Phó phòng phụ trách khách hàng doanh nghiệp thuộc Ngân hàng TMCP N3 – Chi nhánh T2. Theo Giấy ủy quyền số 53/UQ-TBD-HCNS ngày 01/02/2024. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: E đường D (BC F), khu phố B, phường T,

thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc: 56/3, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Sơn C1, sinh năm 1981; địa chỉ: 5, khu phố B, huyện B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Võ Thị Ánh N1, sinh năm 1988; địa chỉ: 5, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và ngày 15/01/2024, bản tự khai ngày 30/11/2023 và ngày 16/4/2024 quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N3 là ông Chu Sỹ N và bà Hoàng Diệu T1 trình bày:

Đối với khoản vay tín dụng với Công ty Cổ Phần T3 như sau: Ngân hàng TMCP N3 (gọi tắt Ngân hàng V1) và Công ty Cổ Phần T3 (Gọi tắt Công ty T3) đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 12/01/2023, hai bên ký Hợp đồng cấp tín dụng số 0001CRC/2023/VCB-TBD ngày 12/01/2023; ngày 19/01/2023 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 01/HĐSD; ngày 12/01/2023 hai bên ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0001CRC/TD8/23LD; ngày 19/01/2023 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001/HĐSD; ngày 12/01/2023 hai bên ký Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 0001CRC/BLHM/NHNT-23TBD; ngày 19/01/2023 hai bên ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 001/HĐSD; ngày 12/01/2023 hai bên ký Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/CK/23; ngày 19/01/2023 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số 001/HĐSD; ngày 12/01/2023 hai bên ký Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/TDT/23; ngày 19/01/2023 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số 001/HĐSD và làm Hồ sơ mở thẻ tín dụng công ty vào ngày 12/01/2023.

Theo nội dung các hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng V1 đã cấp hạn mức vay vốn cho Công ty T3 với giá trị 21.999.125.095, thời hạn rút vốn của các hợp đồng hạn mức trên là đến ngày 12/01/2024, thời gian vay vốn đối với mỗi giấy nhận nợ là tối đa 6 tháng, mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty T3 nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Ngoài ra, Ngân hàng V1 cũng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng công ty với giá trị 100.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là tối đa 12 tháng để Ban lãnh đạo công ty sử dụng.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay tín dụng nêu trên thì, ông Nguyễn Sơn C1 và bà N1 dùng các tài sản cá nhân để thế chấp cho nghĩa vụ vay tín dụng của Công ty T3, các tài sản cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.546,8m² tại thửa đất số 970, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG

844918, sổ vào sổ cấp GCN: CS06589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/12/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 13.932,7m² tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, toạ lạc tại xã (nay là phường) K, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 578773, sổ vào sổ cấp GCN: CH01941 do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/08/2011, cập nhật thay đổi lần gần nhất ngày 18/01/2023 cho bà Võ Thị Ánh N1.

Quá trình vay tín dụng thì đến ngày 27/06/2023, Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do đó, Ngân hàng V1 khởi kiện Công ty T3 yêu giải quyết như sau:

- Buộc Công ty T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VCB với số tiền tổng cộng là 24.294.639.451 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là: 22.092.481.338 đồng (gồm: Nợ gốc vay tín dụng: 21.999.125.095 đồng và nợ gốc thẻ tín dụng: 93.356.243 đồng)

+ Nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 15/4/2024 là: 1.557.493.032 đồng (gồm: Nợ lãi vay quá hạn: 1.544.202.885 đồng và nợ lãi thẻ quá hạn: 13.290.147 đồng)

+ Nợ lãi chậm trả tính đến hết ngày 15/4/2024 là: 644.665.081 đồng (gồm: Nợ lãi vay chậm trả: 644.303.926 đồng và nợ lãi thẻ chậm trả: 361.155 đồng).

- Buộc Công ty Cổ Phần T3 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 0001CRC/TD8/23LD ngày 12/01/2023, các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và lãi suất thẻ tín dụng công ty theo biểu phí hiện hành của Ngân hàng V1, kể từ ngày 16/04/2024 cho đến ngày thực tế Công ty Cổ phần T3 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng V1.

- Nếu Công ty Cổ Phần T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Sơn C1 và bà Võ Thị Ánh N1 theo các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0001CRC/NHNT-23TBD ngày 12/01/2023 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0007CRC/NHNT-23TBD ngày 19/01/2023 để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng VCB thì Công ty Cổ Phần T3 có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán các nghĩa vụ nợ còn lại cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Ngân hàng V1.

Đối với khoản vay tín dụng với cá nhân ông Nguyễn Sơn C1 và bà Võ Thị Ánh N1 như sau: Ngân hàng TMCP N3 (gọi tắt Ngân hàng V1) và ông Nguyễn Sơn C1 và bà Võ Thị Ánh N1 đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

Ngày 11/7/2022, hai bên ký Hợp đồng cho vay số 0154/KHBL/22CD cho vay số tiền 3.400.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là thanh toán tiền mua đất hỗn hợp tại thửa đất số 3366, tờ bản đồ số 33, toạ lạc tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, thời hạn vay là 240 tháng, gốc và lãi trả hàng tháng.

Ngày 12/01/2023, hai bên ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0003/KHBL/23CD cho vay số tiền 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là thanh toán tiền mua đất tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, toạ lạc tại phường K, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, thời hạn vay là 180 tháng, gốc và lãi trả hàng tháng.

Ngày 15/8/2022, Ngân hàng V1 cấp hạn mức thẻ tín dụng cá nhân cho ông Nguyễn Sơn C1 giá trị là 150.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng.

Ngày 15/8/2022, Ngân hàng V1 cấp hạn mức thẻ tín dụng cá nhân cho bà Võ Thị Ánh N1 giá trị là 150.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay tín dụng của cá nhân nêu trên, ông C1 và bà N1 đã thế chấp các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 896,7m² thuộc thửa đất số 3366, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 235038, số vào sổ cấp GCN CS20468 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/07/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 13.932,7m² tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã (nay là phường) K, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 578773, số vào sổ cấp GCN: CH01941 do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/08/2011, cập nhật thay đổi lần gần nhất ngày 18/01/2023 cho bà Võ Thị Ánh N1.

Quá trình vay tín dụng thì đến ngày 26/9/2023, ông C1, bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do đó, Ngân hàng V1 khởi kiện ông C1, bà N1 yêu giải quyết như sau:

- Buộc ông C1, bà N1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng VCB nợ gốc và lãi tổng cộng là 9.046.734.814 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 8.480.754.803 đồng, (gồm: Nợ gốc vay: 8.201.620.000 đồng và nợ gốc thẻ: 279.134.803 đồng);

+ Nợ lãi quá hạn: 548.101.166 đồng, (gồm: Nợ lãi vay quá hạn: 532.573.344 đồng và nợ lãi thẻ quá hạn: 15.527.822 đồng);

Nợ lãi chậm trả: 17.878.845 đồng, (gồm: Nợ lãi vay chậm trả: 1.536.648 đồng và nợ lãi thẻ chậm trả: 16.342.197 đồng).

- Buộc ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0154/KHBL/22CD ngày 11/07/2022, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0003/KHBL/23CD ngày 12/01/2023, các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và lãi suất thẻ tín dụng cá nhân theo biểu phí hiện hành của Ngân hàng V1, kể từ ngày 16/04/2024 cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Sơn C1 - bà Võ Thị Ánh N1 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng VCB.

- Nếu ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Sơn C1 - bà Võ Thị Ánh N1 theo các Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0154A/HĐTC/KHBL/22TBD ngày 15/08/2022 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0003/HĐTC/KHBL/23TBD ngày 19/01/2023 để thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng VCB thì ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán các nghĩa vụ nợ còn lại cho đến khi hết toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Ngân hàng V1.

Về án phí và chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án thì Công ty Cổ Phần T3 có nghĩa vụ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần T3, ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 vắng mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và trình bày thêm là Ngân hàng V1 phát hành thẻ tín dụng với số tiền 100.000.000 đồng tuy nhiên Công ty T3 chỉ mới rút số tiền 93.356.243 đồng thì phía Ngân hàng đã khoá thẻ, với lý do nhận thấy Công ty T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình vay tín dụng, Công ty T3 và cá nhân ông C1, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng V1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ Phần T3, bị đơn ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với Công ty Cổ Phần T3:

Theo các Hợp đồng Cấp tín dụng số 0001CRC/2023/VCB-TBD ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Cấp tín dụng số 01/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0001CRC/TD8/23LD ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 0001CRC/BLHM/NHNT-23TBD ngày 12/01/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/CK/23 ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/TDT/23 ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023 và Hồ sơ mở thẻ tín dụng công ty ngày 12/01/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với Công ty Cổ Phần T3 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với người có thẩm quyền của Công ty Cổ Phần T3 là bà Võ Thị Ánh N1, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho Công ty T3

vay số tiền 21.999.125.095 đồng, thời hạn rút vốn của các hợp đồng hạn mức trên là đến ngày 12/01/2024, thời gian vay vốn đối với mỗi giấy nhận nợ là tối đa 6 tháng, mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty T3 nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định theo 03 giấy nhận nợ (giấy nhận nợ 01 ngày 12/01/2023 số tiền giải ngân là 6.791.000.300 đồng; giấy nhận nợ 02 ngày 01/02/2023 số tiền giải ngân là 10.870.731.282 đồng; giấy nhận nợ 03 ngày 03/02/2023 số tiền giải ngân là 4.337.393.513 đồng) và phát hành thẻ tín dụng (mã số CIF: 25249812) với số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì Công ty T3 chỉ sử dụng số tiền 93.356.243 đồng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 27/9/2023. Vì vậy, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu Công ty T3 phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với ông Nguyễn Sơn C1 và bà Võ Thị Ánh N1:

Theo các Hợp đồng cho vay số 0154/KHBL/22CD Ngày 11/7/2022, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0003/KHBL/23CD ngày 12/01/2023, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0154-1/KHBL/22CD ngày 15/8/2022 và 02 Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 kèm hợp đồng mã số (CIF): 24705526, mã số (CIF): 24705638 cùng ngày 21/11/2022 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 với ông C1, bà N1, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho ông C1, bà N1 vay số tiền 18.400.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua đất theo 02 giấy nhận nợ (giấy nhận nợ 01 ngày 11/7/2022 số tiền giải ngân là 3.400.000.000 đồng; giấy nhận nợ 01 ngày 12/01/2023 số tiền giải ngân là 15.000.000.000 đồng) và phát hành 02 thẻ tín dụng, mã số CIF: 24705526 (do ông Nguyễn Sơn C1 đứng tên) với số tiền 150.000.000 đồng và mã số CIF: 24705638 (do bà Võ Thị Ánh N1) với số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ông C1, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 26/9/2023. Vì vậy, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu ông C1, bà N1 phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ Phần T3 và khoản vay cá nhân của ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1, vì vậy ông C1, bà N1 đã thế chấp 03 tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.546,8m² tại thửa đất số 970, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 844918, số vào sổ cấp GCN: CS06589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/12/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1 theo Hợp đồng thế chấp số 0001CRC/NHNT-23TBD ngày 12/01/2023.

- Quyền sử dụng đất diện tích 13.932,7m² tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã (nay là phường) K, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 578773, số vào sổ cấp GCN: CH01941 do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/08/2011, cập nhật thay đổi lần gần nhất ngày 18/01/2023 cho bà Võ Thị Ánh N1 theo Hợp đồng thế chấp số 0007CRC/NHNT-23TBD ngày 19/01/2023 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty T3) và Hợp đồng thế chấp số 0003/HĐTC/KHBL/23TBD ngày 19/01/2023 (bảo đảm cho khoản vay cá nhân của ông C1, bà N1).

- Quyền sử dụng đất diện tích 896,7m² thuộc thửa đất số 3366, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 235038, số vào sổ cấp GCN CS20468 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/07/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1 theo Hợp đồng thế chấp số 0154A/HĐTC/KHBL/22TBD ngày 15/08/2022.

Các tài sản thế chấp này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty T3, ông C1, bà N1 không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ chi phí cho việc phát mãi theo quy định không đủ để trả nợ cho Ngân hàng V1 thì Công ty T3 và ông C1, bà N1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 cho đến khi trả nợ xong.

[3] Từ những phân tích trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thu thập hồ sơ: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 và các Điều: 147, 157, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều: 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào các Điều: 299, 317, 318, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 đối với các bị đơn Công ty Cổ phần T3 và ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

- Buộc Công ty Cổ phần T3 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 số tiền là 24.294.639.451 đồng (Hai mươi bốn tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 22.092.481.338 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 15/4/2024 là 2.202.158.113 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/4/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng Cấp tín dụng số 0001CRC/2023/VCB-TBD ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Cấp tín dụng số 01/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0001CRC/TD8/23LD ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 0001CRC/BLHM/NHNT-23TBD ngày 12/01/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/CK/23 ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chiết khấu theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023; Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số HM0001CRC/NHNT/TDT/23 ngày 12/01/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phát hành Thư tín dụng theo hạn mức số 001/HĐSD ngày 19/01/2023 và Hồ sơ mở thẻ tín dụng công ty ngày 12/01/2023 cho đến khi Công ty Cổ phần T3 trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3.

- Buộc ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 số tiền là 9.046.734.814 đồng (Chín tỷ không trăm lẻ bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm mười bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 8.480.754.803 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 15/4/2024 là 565.980.011 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 16/4/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0154/KHBL/22CD Ngày 11/7/2022, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0003/KHBL/23CD ngày 12/01/2023, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0154-1/KHBL/22CD ngày 15/8/2022 và 02 Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V2 kèm hợp đồng mã số (CIF): 24705526, mã số (CIF): 24705638 cùng ngày 21/11/2022 cho đến khi ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty Cổ phần T3, ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 1.546,8m² tại thửa đất số 970, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 844918, số vào sổ cấp GCN: CS06589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/12/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1 theo Hợp đồng thế chấp số 0001CRC/NHNT-23TBD ngày 12/01/2023.

- Quyền sử dụng đất diện tích 13.932,7m² tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã (nay là phường) K, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số phát hành BE 578773, số vào sổ cấp GCN: CH01941 do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/08/2011, cập nhật thay đổi lần gần nhất ngày 18/01/2023 cho bà Võ Thị Ánh N1 theo Hợp đồng thế chấp số 0007CRC/NHNT-23TBD ngày 19/01/2023 (bảo đảm cho khoản vay của Công ty T3) và Hợp đồng thế chấp số 0003/HĐTC/KHBL/23TBD ngày 19/01/2023 (bảo đảm cho khoản vay cá nhân của ông C1, bà N1).

- Quyền sử dụng đất diện tích 896,7m² thuộc thửa đất số 3366, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DG 235038, số vào sổ cấp GCN CS20468 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/07/2022 cho ông Nguyễn Sơn C1 theo Hợp đồng thế chấp số 0154A/HĐTC/KHBL/22TBD ngày 15/08/2022.

Trường hợp giá trị tài sản phát mãi sau khi trừ chi phí cho việc phát mãi theo quy định không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 thì Công ty Cổ phần T3, ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần T3 chịu án phí 132.294.639 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).

- Ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 chịu án phí 117.046.735 đồng (Một trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 số tiền 58.404.386 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004352 ngày 23/01/2024 và số tiền 65.507.276 đồng (Sáu mươi lăm triệu năm trăm lẻ bảy ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001201 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và lệ phí thu thập hồ sơ: Công ty Cổ phần T3 và ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 phải chịu số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 đã tạm ứng. Công ty Cổ phần T3 và ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 20.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3.

4. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn Công ty Cổ phần T3 và ông Nguyễn Sơn C1, bà Võ Thị Ánh N1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bửu Huệ Tô Văn N2

Đào Thị Thu V

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Vân